

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC  
CÔNG TY CP XNK LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI

Năm 2018

# MỤC LỤC

--&--

Nội dung		Trang
<b>Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>		<b>01</b>
Điều 1	Giải thích thuật ngữ	01
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	02
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	03
Điều 4	Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty	03
Điều 5	Con dấu của Công ty	06
Điều 6	Tổ chức chính trị và xã hội của Công ty	06
<b>Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</b>		<b>06</b>
Điều 7	Công ty có quyền	06
Điều 8	Công ty có nghĩa vụ	07
<b>Chương III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG</b>		<b>08</b>
<b>Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU</b>		<b>08</b>
Điều 9	Vốn điều lệ	08
Điều 10	Cổ phần.	09
Điều 11	Các loại cổ phần	09
Điều 12	Cổ phiếu	10
Điều 13	Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 14	Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 15	Chào bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp cổ phần	11
Điều 16	Thu hồi cổ phần	16
Điều 17	Mua lại cổ phần	14
<b>Mục 2: CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY</b>		<b>15</b>
Điều 18	Quy định chung về cổ đông	15
Điều 19	Quyền của cổ đông	16
Điều 20	Nghĩa vụ của cổ đông	17
<b>Chương IV: CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY</b>		<b>18</b>
Điều 21	Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty	18
<b>Mục 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>		<b>18</b>
Điều 22	Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24	Đại diện theo ủy quyền của cổ đông	21
Điều 25	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ	22

	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Điều 26	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 27	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 28	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 29	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 30	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 31	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	30
<b>Mục 2:</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>31</b>
Điều 32	Cơ cấu, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 33	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 34	Quyền hạn và nhiệm vụ Hội đồng quản trị	32
Điều 35	Đề cử hoặc ứng cử, miễn nhiệm, thay thế hoặc bổ sung thành viên HĐQT	33
Điều 36	Chủ tịch Hội đồng quản trị	36
Điều 37	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
Điều 38	Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
Điều 39	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 40	Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị	40
Điều 41	Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị	41
<b>Mục 3:</b>	<b>GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG; PHÒNG BAN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ THƯ KÝ.</b>	<b>42</b>
Điều 42	Giám đốc	42
Điều 43	Tiêu chuẩn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng Giám đốc	43
Điều 44	Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Giám đốc	43
Điều 45	Phó giám đốc	44
Điều 46	Kế toán trưởng	45
Điều 47	Phòng (hoặc ban) chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc	45
Điều 48	Thư ký Công ty	46
<b>Mục 4:</b>	<b>ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY VÀ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH</b>	<b>46</b>
Điều 49	Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh Công ty	46
Điều 50	Trách nhiệm của Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh	47
<b>Mục 5:</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>47</b>
Điều 51	Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên và nhiệm kỳ Ban kiểm soát	47
Điều 52	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	48
Điều 53	Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát	50
Điều 54	Đề cử hoặc ứng cử, miễn nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát	51
Điều 55	Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	52

<b>Nội dung</b>		<b>Trang</b>
<b>Mục 6:</b>	<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>	<b>52</b>
<b>Điều 56</b>	Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác	<b>52</b>
<b>Điều 57</b>	Hợp đồng và giao dịch của Công ty hoặc chi nhánh phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị	<b>54</b>
<b>Điều 58</b>	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	<b>54</b>
<b>Chương V: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CÔNG TY</b>		<b>55</b>
<b>Điều 59</b>	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<b>55</b>
<b>Điều 60</b>	Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty	<b>56</b>
<b>Chương VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY</b>		<b>56</b>
<b>Điều 61</b>	Tuyển dụng	<b>56</b>
<b>Điều 62</b>	Quỹ lương, chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản thù lao của người lao động	<b>57</b>
<b>Điều 63</b>	Cổ đông là người lao động của Công ty	<b>57</b>
<b>Điều 64</b>	Người lao động tham gia quản lý Công ty	<b>57</b>
<b>Chương VII: TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ</b>		<b>58</b>
<b>Điều 65</b>	Tài khoản ngân hàng, thanh toán và giao dịch kế toán	<b>58</b>
<b>Điều 66</b>	Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng	<b>58</b>
<b>Điều 67</b>	Kiểm toán	<b>59</b>
<b>Điều 68</b>	Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	<b>60</b>
<b>Điều 69</b>	Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	<b>60</b>
<b>Điều 70</b>	Báo cáo thường niên	<b>60</b>
<b>Chương VIII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY</b>		<b>61</b>
<b>Điều 71</b>	Tổ chức lại Công ty	<b>61</b>
<b>Điều 72</b>	Các trường hợp giải thể Công ty	<b>61</b>
<b>Điều 73</b>	Thanh lý tài sản khi giải thể Công ty	<b>61</b>
<b>Điều 74</b>	Phá sản Công ty	<b>61</b>
<b>Chương IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>		<b>62</b>
<b>Điều 75</b>	Giải quyết tranh chấp nội bộ	<b>62</b>
<b>Chương X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>		<b>62</b>
<b>Điều 76</b>	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	<b>62</b>
<b>Điều 77</b>	Hiệu lực thi hành	<b>63</b>
<b>CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		<b>63</b>

## **ĐIỀU LỆ**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kỳ họp XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 09/6/2006 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 22/3/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội đã thông qua toàn văn Điều lệ này và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2016.

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

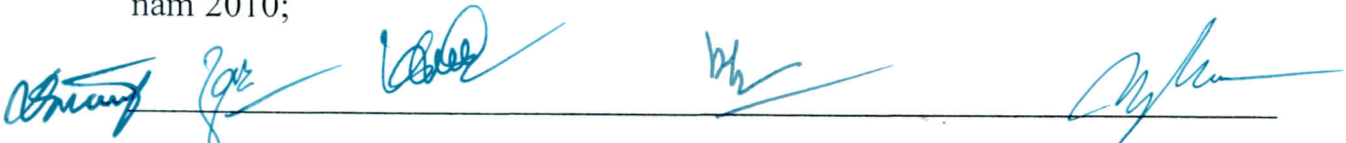
#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau trong Điều lệ này:

a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 9 Điều lệ này;

b) "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII;

c) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;



d) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội;

f) "Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội;

g) "Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng" có nghĩa là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội;

h) "Người điều hành doanh nghiệp" là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc công ty và Kế toán trưởng;

i) "Người đại diện" có nghĩa là cá nhân được cổ đông của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Điều lệ này.

j) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

l) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

m) "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có ý nghĩa tương tự như trong văn bản pháp luật đó.

## **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM HÀ NỘI

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: HANOI FOOD IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

- Tên công ty viết tắt: VIHAFOOD

- Mã chứng khoán: FHN

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.37150371
- Fax: 024.37150328
- E-mail: info@vihafood.com
- Website: www.vihafood.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép

5. Trừ khi các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật, thì thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty: Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, phạm vi kinh doanh chủ yếu của Công ty**

1. Mục tiêu:

Công ty là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực lương thực, thực phẩm nhằm phát triển doanh nghiệp; góp phần đảm bảo bình ổn thị trường lương thực, thực phẩm; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động; đóng góp cho ngân sách nhà nước; đem lại cổ tức cho cổ đông.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
2	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
3	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá	4610

Stt	Tên ngành	Mã ngành
8	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn bán lẻ và đại lý đồ dùng cá nhân và gia đình: xà phòng, bột giặt, kem đánh răng, hoá mỹ phẩm.	4649
9	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng;	4759
12	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
15	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
16	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Mua bán, phân phối các sản phẩm từ giấy và các sản phẩm vệ sinh khác Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp, hàng tiêu dùng Kinh doanh phân bón	4669
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
19	Bán buôn gạo: Chi tiết: Kinh doanh lương thực;	4631
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)	6810
21	Trồng cây hàng năm khác: Chi tiết: Nuôi trồng cây	0119
22	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xay xát, chế biến nông, lâm sản;	1079
23	Điều hành tua du lịch: Chi tiết: Lữ hành nội địa, quốc tế và dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke) Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7912
24	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
25	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác: Chi tiết: Hoạt động tư vấn hành chính và hỗ trợ văn phòng	8219



Stt	Tên ngành	Mã ngành
26	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ vui chơi giải trí (trừ loại dịch vụ Nhà nước cấm)	9329
27	Bán buôn thực phẩm: Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm, các sản phẩm chế biến từ thực phẩm; Kinh doanh các sản phẩm chế biến từ lương thực, thức ăn gia súc;	4632
28	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú): Sản xuất sản phẩm may mặc, thời trang	1410
29	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép: Chi tiết: Mua bán sản phẩm may mặc, thời trang	4641
30	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Chi tiết: Thuê và cho thuê: Văn phòng, nhà kho và các hoạt động kho bãi;	5210
31	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Chi tiết: Thuê và cho thuê máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và tiêu dùng	7730
32	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Chi tiết: Hoạt động dịch vụ chăm sóc; chăm sóc sắc đẹp và thẩm mỹ viện (không bao gồm xăm mắt, xăm môi và các hoạt động gây chảy máu)	9610
33	Nuôi trồng thủy sản nội địa: Chi tiết: Nuôi trồng con thủy hải sản	0322
34	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát lương thực	1061
35	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự: Chi tiết: Chế biến lương thực	1074
36	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: Chi tiết: Bán buôn bán lẻ và đại lý rượu bia, đồ uống không cồn	4723
37	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh: Chi tiết: Bán buôn bán lẻ và đại lý thuốc lá điếu	4724
38	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ	5510
39	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
40	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh nông, lâm sản	4620
41	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.	4663
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Kinh doanh kim khí điện máy	4659
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm và hàng tiêu dùng; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8299



Việc thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định. Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của công ty đã được công bố trên trang thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

### **Điều 5. Con dấu của Công ty**

1. Hội đồng quản trị công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau:

- a) Tên công ty;
- b) Mã số doanh nghiệp.

2. Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên trang thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của công ty.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc công ty được sử dụng chung con dấu của công ty theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ công ty.

### **Điều 6. Tổ chức chính trị và xã hội của Công ty**

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ và các quy định của tổ chức đó.

2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ và người lao động tham gia các tổ chức này trong công ty hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó và phù hợp với tình hình sản xuất - kinh doanh của Công ty.

## **Chương II**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 7. Công ty có quyền**

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

2. Chủ động lựa chọn và mở rộng ngành, nghề kinh doanh; chủ động lựa chọn địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước.

4. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.

5. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Tuyển chọn, thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu sản xuất kinh doanh.

7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học hiện đại, quyết định các hình thức và biện pháp phát triển thị trường (như khuyến mại, quảng cáo, hoa hồng tiêu thụ, thưởng cho khách hàng tiêu thụ sản phẩm...) phù hợp với quy định của pháp luật, để thúc đẩy mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của Công ty.

8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

11. Theo định hướng kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty có quyền:

a) Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với Công ty ở Việt Nam;

b) Quyết định cử đại diện Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát.

- Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

- Đối với các chức danh khác do Giám đốc quyết định.

12. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 8. Công ty có nghĩa vụ**

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo, các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh.

9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

10. Việc cử đại diện Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phải phục vụ mục đích kinh doanh; nghiêm cấm việc sử dụng kinh phí của Công ty để tổ chức học tập, tham quan, du lịch với mục đích cá nhân.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### Chương III

## VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

### Mục 1.

## VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

### Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **30.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tỉ đồng chẵn).

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ phù hợp với các quy định của pháp luật và phải thực hiện đăng ký thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội.

### **Điều 10. Cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **3.000.000** cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 VNĐ** (Mười nghìn đồng Việt Nam).

2. Theo phương án phát hành cổ phần để tăng thêm vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông có thể mua cổ phần bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác và được quy đổi bằng tiền Việt Nam tại thời điểm góp vốn:

a) Đối với giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác phải là do nhu cầu cần thiết cho sản xuất kinh doanh của Công ty và bằng hình thức định giá theo quy định của pháp luật do Hội đồng quản trị quyết định mới được tính là vốn góp;

b) Đối với tài sản có đăng ký sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất, thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không phải nộp lệ phí trước bạ;

c) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản;

d) Cổ phần bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.

3. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

### **Điều 11. Các loại cổ phần**

1. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 19 Điều lệ này.

2. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

### **Điều 12. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ có giá trị do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

2. Công ty chỉ được phát hành số lượng cổ phiếu có tổng mệnh giá bằng tổng số vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp có nhu cầu bổ sung thêm vốn điều lệ thì Công ty được phát hành thêm cổ phiếu và phải đăng ký bổ sung vốn điều lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; việc phát hành thêm cổ phiếu phải tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ này.

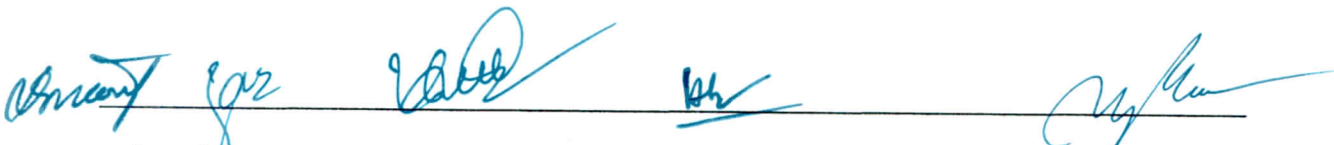
### **Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Giám đốc Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.



#### **Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Giám đốc Công ty.

#### **Điều 15. Chào bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp cổ phần**

##### 1. Chào bán cổ phần

Cổ phần có quyền chào bán là số cổ phần Công ty được phát hành nhằm đảm bảo vốn điều lệ đã đăng ký, và số cổ phần mua lại của Công ty. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- a) Chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

##### 2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

a) Cổ phần phổ thông do công ty phát hành thêm để tăng vốn điều lệ được chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông hiện có của họ tại Công ty. Quy trình thực hiện như sau:

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký cổ phần;

- Nội dung thông báo theo quy định của điểm b, khoản 2, Điều 124 của Luật doanh nghiệp;

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;

- Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán số cổ phần còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán;

- Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Cổ phần coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua cổ phần quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông công ty.

c) Sau khi cổ phần được thanh toán đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu.

Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trong công ty.

### 3. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị có quyền quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất trừ các trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu và tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

### 4. Chuyển nhượng cổ phần

a) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần theo phương thức thỏa thuận khớp lệnh thông qua sàn giao dịch UPCOM theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);

b) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông công ty. Nếu có nhiều người thừa kế (đồng thừa kế) thì tất cả những người thừa kế này đều là cổ đông công ty theo tỷ lệ được phân chia trừ khi những người thừa kế này ủy quyền cho một người thừa kế làm cổ đông công ty. Nếu người thừa kế là người chưa thành niên thì phải có người giám hộ hoặc người đỡ đầu đại diện hợp pháp làm cổ đông công ty;

c) Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự;

d) Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này người được tặng, cho hoặc được trả nợ bằng số cổ phần sẽ là cổ đông của công ty theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);

e) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu



phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán;

f) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2, Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty;

g) Hội đồng quản trị Công ty quy định cụ thể về các thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công ty và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc niêm yết tại trụ sở Công ty.

#### **Điều 16. Thu hồi cổ phần và tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.**

##### **1. Thu hồi cổ phần.**

a) Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi phát sinh theo lãi suất kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng mà Công ty đang giao dịch cho khoản tiền chậm thanh toán trong thời gian thanh toán chậm và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty;

b) Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi;

c) Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện;

d) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;

e) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và tiền lãi phát sinh theo lãi suất kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng mà Công ty đang giao dịch vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi theo quy định của pháp luật;

f) Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

2. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức: Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả lại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **Điều 17. Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong Điều lệ tổ chức có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu tại mục này;

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí thuê do hai bên chịu trách nhiệm theo tỷ lệ mỗi bên 50%.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua.